

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 18 tháng 4 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Bộ tiêu chí thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu;  
vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH13 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc  
hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông  
thôn mới giai đoạn 2021-2025;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ  
trình số 53/TTr-SNN ngày 09 tháng 3 năm 2023).*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Bộ tiêu chí thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2023, thay thế Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh về ban hành Quy định Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

## QUY ĐỊNH

### Bộ tiêu chí thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2023  
của UBND tỉnh Phú Yên)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định Bộ tiêu chí thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; vườn nông thôn mới và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các thôn/khu dân cư ở các xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
- Hộ gia đình có vườn trên địa bàn các xã trên toàn tỉnh.
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong quá trình đánh giá, xem xét công nhận đạt chuẩn thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

#### Điều 3. Thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Phú Yên

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

## Chương II

### QUY ĐỊNH BỘ TIÊU CHÍ THÔN/KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

#### Điều 4. (Tiêu chí 1) Tiêu chí Giao thông

- Chỉ tiêu Đường trục thôn
  - Tỷ lệ km đường nhựa hoặc bê tông đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải:  $\geq 80\%$ .
  - Tỷ lệ đường có lề hai bên:  $\geq 80\%$ .
  - Rãnh thoát nước hai bên đường được cứng hóa:  $\geq 50\%$ .
  - Cắm mốc đầy đủ hành lang đường theo quy định nông thôn mới được duyệt:  
Đạt.
  - Có bố trí đầy đủ biển báo hiệu đường bộ theo đúng quy chuẩn hiện hành:  
Đạt.
  - Tỷ lệ đường có cây bóng mát hoặc cây có hoa hai bên đường:  $\geq 60\%$ .
  - Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm có hệ thống điện chiếu sáng:  $\geq 80\%$ .
- Chỉ tiêu Đường ngõ, xóm
  - Tỷ lệ km đường nhựa hoặc bê tông đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ giao

thông vận tải:  $\geq 70\%$ .

b) Không có đường lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa: Đạt.

c) Tỷ lệ đường có lề hai bên:  $\geq 70\%$ .

d) Tỷ lệ đường có cây bóng mát hoặc cây trồng viền tạo hàng rào hoặc đường viền hai bên đường được cắt tỉa gọn đẹp:  $\geq 90\%$ .

#### **Điều 5. (Tiêu chí 2) Tiêu chí Điện**

1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện: Đạt.

2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: Đạt 100%.

#### **Điều 6. (Tiêu chí 3) Tiêu chí Nhà văn hóa và Khu thể thao thôn**

1. Nhà Văn hóa-Khu thể thao thôn, buôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trong khuôn viên nhà văn hóa có bồn hoa, diện tích trồng cây xanh tối thiểu 25%; hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ dây leo; công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn.

2. Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn thôn/khu dân cư tham gia; có ít nhất 01 đội hoặc câu lạc bộ văn hóa-nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Có 100% các điểm công cộng được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

#### **Điều 7. (Tiêu chí 4) Tiêu chí Nhà ở, vườn hộ gia đình, hàng rào, cổng ngõ**

1. Chỉ tiêu Nhà ở

Tỷ lệ nhà ở dân cư kiên cố hoặc bán kiên cố:  $\geq 98\%$ .

2. Chỉ tiêu Vườn hộ gia đình (áp dụng đối với hộ có diện tích vườn  $> 500m^2$ )

a) Tỷ lệ hộ đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà và đảm bảo tỷ lệ cây xanh:  $\geq 35\%$  diện tích đất vườn:  $\geq 80\%$ .

b) Vệ sinh môi trường đảm bảo; sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định: Đạt.

3. Chỉ tiêu Hàng rào, cổng ngõ

a) Tỷ lệ có hàng rào xanh (hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được trồng phủ cây xanh, trồng hoa):  $\geq 70\%$ .

b) Cổng ngõ được xây dựng, chỉnh trang hài hòa với cảnh quan của làng quê:  $\geq 70\%$ .

#### **Điều 8. (Tiêu chí 5) Tiêu chí Giáo dục, Y tế, Văn hóa**

1. Chỉ tiêu Giáo dục

a) Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo:  $\geq 90\%$ .

b) Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1: 100%.

c) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học  $\geq 95\%$ , số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học cấp tiểu học.

d) Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp:  $\geq 95\%$ .

2. Chỉ tiêu Y tế

a) Tỷ lệ người dân thường trú trên địa bàn thôn, buôn được quản lý, theo dõi sức khỏe:  $\geq 90\%$ .

b) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế:  $\geq 95\%$ .

### 3. Chỉ tiêu Văn hóa

a) Thôn/khu dân cư đạt tiêu chuẩn văn hóa và được tặng Giấy khen thôn/khu dân cư Văn hóa theo quy định. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa:  $\geq 95\%$ .

b) Tại thời điểm xét công nhận thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, thôn/khu dân cư không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm; thôn/khu dân cư không còn người lang thang, xin ăn.

### **Điều 9. (Tiêu chí 6) Tiêu chí Thu nhập**

Thu nhập bình quân đầu người của thôn/khu dân cư đạt Thu nhập thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tại thời điểm xét, công nhận thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.

### **Điều 10. (Tiêu chí 7) Tiêu chí Hộ nghèo**

Hộ nghèo đa chiều (sau khi trừ hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động):  $\leq 1,5\%$ .

### **Điều 11. (Tiêu chí 8) Tiêu chí Cảnh quan-Môi trường**

1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định: 100% ( $\geq 75\%$  nước sạch).

2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định  $\geq 90\%$ ; Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt  $\geq 60\%$ : Đạt.

3. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng: Đạt.

4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:  $\geq 90\%$ .

5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững: 100%.

### **Điều 12. (Tiêu chí 9) Tiêu chí Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội**

1. Quý I hàng năm Chi bộ có Nghị quyết, được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. An ninh, trật tự được bảo đảm.

3. Thôn/khu dân cư có đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; 100% hộ gia đình đang cư trú trên địa bàn đăng ký tham gia xây dựng thôn/khu dân cư “An toàn về an ninh, trật tự”; đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

## **Chương III**

### **QUY ĐỊNH BỘ TIÊU CHÍ VƯỜN MẪU NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

Vườn mẫu (áp dụng đối với hộ có diện tích vườn  $\geq 500m^2$ ) đáp ứng các tiêu chí sau:

### **Điều 13. (Tiêu chí 1) Tiêu chí Quy hoạch và thực hiện quy hoạch**

1. Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch-thiết kế vườn hộ được Ủy ban nhân dân xã xác nhận: Đạt.

2. Thực hiện đúng bản vẽ hoặc quy hoạch-thiết kế được Ủy ban nhân dân xã xác nhận: Đạt.

**Điều 14. (Tiêu chí 2) Tiêu chí Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật**

Có ít nhất 01 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học vào một trong các khâu: Sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến trong hoạt động sản xuất.

**Điều 15. (Tiêu chí 3) Tiêu chí sản phẩm từ vườn**

“Chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước” hoặc “Có cam kết của hộ dân với Ủy ban nhân dân xã về đảm bảo an toàn thực phẩm”.

**Điều 16. (Tiêu chí 4) Tiêu chí Cảnh quan-Môi trường**

1. Tỷ lệ hàng rào xanh:  $\geq 70\%$ .

2. Tỷ lệ cây xanh/diện tích đất vườn của hộ gia đình:  $\geq 35\%$ .

3. Chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học; đảm bảo vệ sinh môi trường): Đạt.

4. Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải rắn hộ gia đình trước khi tập kết tại điểm thu gom phải được phân loại, áp dụng biện pháp phù hợp: Đạt.

**Điều 17. (Tiêu chí 5) Tiêu chí Thu nhập**

Thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trong vườn so với thu nhập từ trồng lúa trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố  $\geq 5$  lần.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 18. Trách nhiệm của các sở, ban ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện Bộ tiêu chí thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới tại Quyết định này.

**Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trên địa bàn; tổ chức đánh giá, xét công nhận thôn/khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và vườn mẫu nông thôn mới đạt chuẩn hàng năm theo đúng quy định tại quyết định này.

**Điều 20. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình triển khai thực hiện trường hợp có phát sinh vướng mắc; cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp) để xem xét, quyết định./.